

Số: 2642 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 15 tháng 12 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH chăn nuôi Trường Phát Tây Ninh tại Văn bản số 211/ĐN-TP ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc đề nghị cấp đổi Giấy phép môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 140.000 con/lứa tại thửa đất số 89, 90, tờ bản đồ số 42, ấp Thạnh An, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 81.06./TTr-STNMT ngày 06 tháng 12 năm 2023,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH chăn nuôi Trường Phát Tây Ninh địa chỉ trụ sở: ấp Thạnh An, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 140.000 con/lứa tại thửa đất số 89, 90, tờ bản đồ số 42, ấp Thạnh An, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: thửa đất số 89, 90, tờ bản đồ số 42, ấp Thạnh An, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại mã số dự án 8677787521 ngày 07/12/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp
- 1.4. Mã số doanh nghiệp: 3901301872.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chăn nuôi gà thịt.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:



- Quy mô, công suất: 140.000 con gà/lúa (04 lứa/năm)

- Dự án thuộc nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH chăn nuôi Trường Phát Tây Ninh được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH chăn nuôi Trường Phát Tây Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH chăn nuôi Trường Phát Tây Ninh hoặc tại trụ sở UBND xã Tân Hiệp; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Giấy phép môi trường số 2218/GPMT-UBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh về việc cấp phép môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 140.000 con/lúa tại thửa đất số tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 42, ấp Thạnh An, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH đầu tư nông nghiệp HAT JSC hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép này.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND huyện Tân Châu và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /*lca*

**Nơi nhận:** *Nay*

- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân Hiệp;
- Cty TNHH chăn nuôi Trường Phát Tây Ninh;
- Đăng tải trang thông tin điện tử của Sở TN&MT;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH,**



*[Handwritten signature]*  
**Trần Văn Chiến**



**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ....2642.../GPMT-UBND  
ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân viên, lưu lượng 2,4 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn số 02: nước thải nấu ăn tập trung, lưu lượng 0,5 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn số 03: nước thải vệ sinh chuồng sau mỗi lứa nuôi, lưu lượng 2,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm/chuồng nuôi.
- Nguồn số 04: nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi, lưu lượng 1,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 05: nước thải sau hệ thống xử lý khí thải của mỗi chuồng nuôi, lưu lượng 0,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải****2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:**

- Dòng nước thải số 01: Nguồn số 01 được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được dẫn về mương sinh học số 01, để xử đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT sau đó xả vào hồ chứa trong khuôn viên của Dự án.
- Dòng nước thải số 02: Nguồn số 02 được thu gom về bể tách dầu, sau đó được dẫn về mương sinh học số 01, để xử đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT sau đó xả vào hồ chứa trong khuôn viên của Dự án.
- Dòng nước thải số 03: Nguồn số 03 và 04 được thu gom về bể chứa 3 ngăn sau đó được dẫn về mương sinh học số 02 để xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT sau đó lưu chứa tại hồ chứa trong khuôn viên của Dự án.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: lưu chứa tại hồ chứa nước thải trong khuôn viên Dự án có kích thước 10m x 15m x 3,5m, không chống thấm.

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

Tại hồ chứa nước thải sau xử lý, tọa độ X= 574 602; Y= 1280 285 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105° 30', múi chiều 3<sup>0</sup>).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 6,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được lưu chứa tại hồ chứa, không thải ra ngoài môi trường

2.3.2. Hình thức xả: xả liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp

ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT: 2016/BTNMT, cột A, với hệ số  $K_q = 0,6$  và  $K_f = 1,3$ .

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh tại các khu vực: văn phòng, nhà nghỉ công nhân lưu lượng lớn nhất là  $2,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  được xử lý tại 01 bể tự hoại 03 ngăn thể tích  $5 \text{ m}^3$ ; nước thải sau bể tự hoại (theo ống nhựa uPVC  $\Phi 160$  dài 250m) chảy ra mương sinh học số 01 để xử lý đạt cột A, QCVN 14: 2008/BTNMT với hệ số  $K = 1,2$  sau đó chảy về hồ chứa nước thải của Dự án.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn với lưu lượng lớn nhất là  $0,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  được xử lý sơ bộ tại 01 bể tách dầu mỡ, số lượng 1 bể tách dầu có thể tích  $2 \text{ m}^3$  sau đó theo ống nhựa uPVC  $\Phi 160$ , dài 300m chảy ra mương sinh học số 01 để xử lý đạt cột A, QCVN 14: 2008/BTNMT với hệ số  $K = 1,2$  sau đó chảy về hồ chứa nước thải của Dự án.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi bao gồm nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi, nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi, nước thải sau hệ thống xử lý khí thải của chuồng nuôi với lưu lượng lớn nhất là  $3,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$  được thu gom về 03 hầm lắng ba ngăn, kích thước mỗi hầm lắng là:  $3,0\text{m} \times 3,0\text{m} \times 1,5\text{m}$ . Nước thải sau hầm lắng chảy ra mương sinh học số 02 để xử lý đạt cột A, QCVN 62-MT: 2016/BTNMT, sau đó chảy về hồ chứa nước thải của Dự án.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

##### 1.2.1. Tóm tắt quy trình xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt tại các khu nhà vệ sinh của khu vực văn phòng, nhà nghỉ công nhân → bể tự hoại → mương sinh học số 01.

Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn → bể tách dầu → mương sinh học số 01.

- Nước thải chăn nuôi:

Nước thải (gồm nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi, nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi, nước thải sau hệ thống xử lý khí thải của chuồng nuôi) → hầm lắng → mương sinh học số 02.

Hóa chất sử dụng: chế phẩm men vi sinh, vật liệu lọc.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Bể tự hoại, số lượng 01 bể, kích thước:  $2,0\text{m} \times 2,0\text{m} \times 1,5\text{m}$ , kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.

- Bể tách dầu, số lượng 01 bể, kích thước:  $2,0\text{m} \times 2,0\text{m} \times 1,5\text{m}$ , kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.



- Mương sinh học số 01, kích thước 2,5m x 2,0m x 1,5m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.

- Hàm lắng nước thải chăn nuôi, số lượng 03 hàm, mỗi hàm có kích thước 3,0m x 3,0m x 1,5m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.

- Mương sinh học số 02, kích thước 5,0m x 4,0m x 1,5m, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom nước thải.

Tổ chức kiểm tra định kỳ tình trạng hoạt động của mương sinh học xử lý nước thải.

Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành mương sinh học xử lý nước thải, cách xử lý sự cố cho nhân viên phụ trách.

Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của mương sinh học xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Ba (03) tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống mương sinh học xử lý nước thải của Dự án.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Một (01) điểm tại đầu vào hàm lắng nước thải chăn nuôi.

- Một (01) điểm tại đầu ra hồ chứa nước thải sau xử lý của Dự án.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của mương sinh học xử lý nước thải, nước thải sau xử lý chứa trong hồ chứa nước thải sau xử lý của Công ty; bao gồm các thông số: pH, BOD5, COD, TSS, tổng N, Coliform.

- Giá trị giới hạn: cột A, QCVN 62-MT: 2016/BTNMT với hệ số  $K_q = 0,6$  và  $K_f = 1,3$ .

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

+ Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả xử lý: tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

+ Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 1 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu đơn đối với 1 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả vào hồ chứa.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, Chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo quy định.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.



**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2642/GPMT-UBND*  
*ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải, bụi:**

Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01 – chuồng số 01: Khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 01 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m<sup>3</sup>/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 02 – chuồng số 02: Khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 02 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m<sup>3</sup>/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 03 – chuồng số 03: Khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 03 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m<sup>3</sup>/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 04 – chuồng số 04: Khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 04 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m<sup>3</sup>/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 05 – chuồng số 05: Khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 05 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m<sup>3</sup>/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 06 – chuồng số 06: Khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 6 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m<sup>3</sup>/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 07 – chuồng nuôi cách ly: Khí thải từ 04 quạt hút bên trong chuồng nuôi cách ly ra môi trường, lưu lượng tối đa là 179.200 m<sup>3</sup>/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 08: bụi, khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng có công suất 400 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện. Lưu lượng bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng là 2.190 m<sup>3</sup>/giờ.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Vị trí xả khí thải, bụi:**

Nguồn khí thải số 01: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 01; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 574 629 ; Y = 1280 145.

Nguồn khí thải số 02: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của



chuồng số 02; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 574 645; Y = 1280 179.

Nguồn khí thải số 03 tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 03; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 574 697; Y = 1280 222.

Nguồn khí thải số 04: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 04; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 574 718; Y = 1280 265.

Nguồn khí thải số 05: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 05; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 574 734; Y = 1280 296.

Nguồn khí thải số 06: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 06; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 574 767; Y = 1280 349.

Nguồn khí thải số 07: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng nuôi cách ly; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 559 807; Y = 1280 233.

Nguồn khí thải số 08: tương ứng với dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng của Dự án thoát ra bằng ống khói xả khí thải của máy phát điện dự phòng; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 574 771; Y = 1280 319.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

## 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Nguồn khí thải từ số 01 đến số 07: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất  $44.800 \text{ m}^3/\text{giờ}$   $\text{m}^3/\text{giờ}/\text{quạt}$  hút.

Nguồn khí thải số 08: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất  $2.190 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

### 2.2.1. Phương thức xả khí thải, bụi:

- Nguồn khí thải từ số 01 đến số 06: khí thải, xả cưỡng bức thông qua hệ thống quạt hút (mỗi trại có 10 quạt hút), xả liên tục khi hoạt động.

- Nguồn khí thải từ số 07: khí thải, xả cưỡng bức thông qua hệ thống quạt hút (trại có 04 quạt hút), xả liên tục khi hoạt động.

- Nguồn khí thải số 08: xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi có sự cố mất điện phải vận hành máy phát điện dự phòng.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Nguồn khí thải số từ 01 đến số 07 đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh - QCVN 05:2023/BTNMT.

TT	Tên chất	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H <sub>2</sub> S	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	42	02 lần/năm	Không thuộc đối

2	NH <sub>3</sub>	µg/m <sup>3</sup>	200	tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m <sup>3</sup>	200	

- Nguồn khí thải số 08 đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số K<sub>p</sub> = 1,0 và K<sub>v</sub> = 1,0.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	P ≤ 200.000	Không	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200		
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

Nguồn khí thải từ số 01 đến số 07: khí thải từ các chuồng nuôi xả khí thải ra môi trường thông qua 64 quạt hút của 06 chuồng nuôi (10 quạt hút/chuồng) và 01 chuồng nuôi cách ly (40 quạt hút).

- Nguồn số 08: khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu dầu DO để vận hành máy phát điện công suất 400KVA khi có sự cố mất điện được thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống Ø200mm cao 10m, vật liệu Inox SUS304, độ dày 3mm.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ các chuồng nuôi: khí thải → quạt hút → công trình xử lý chất thải (sử dụng chế phẩm EM để khử mùi) → thoát ra môi trường.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng thu gom về ống thải của máy phát điện, xả trực tiếp ra môi trường (máy phát điện dự phòng chỉ vận hành khi có sự cố mất điện).

#### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.



1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các hệ thống điện, hệ thống quạt hút thoát khí thải cho nhân viên vận hành.

Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.

Trường hợp sự cố mất điện lưới, Công ty tiến hành vận hành máy phát điện dự phòng để cung cấp điện tạm thời giúp duy trì hoạt động quạt hút và các thiết bị điện khác của trang trại.

Khi xảy ra sự cố ngừng hoạt động quạt hút bị sự cố, tìm nguyên nhân, khắc phục sự cố kịp thời.

Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để giám sát vận hành và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2642/GPMT-UBND*  
*ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng số 01.  
 Nguồn số 02: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng số 02.  
 Nguồn số 03: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng số 03.  
 Nguồn số 04: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng số 04.  
 Nguồn số 05: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng số 05.  
 Nguồn số 06: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng số 06.  
 Nguồn số 07: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng nuôi cách ly.  
 Nguồn số 08: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: tọa độ X= 574 629 ; Y= 1280 145;
- Nguồn số 02: tọa độ X = 574 645 ; Y = 1280 179;
- Nguồn số 03: tọa độ X = 574 697; Y = 1280 222;
- Nguồn số 04: tọa độ X = 574 718; Y = 1280 265;
- Nguồn số 05: tọa độ X = 574 734; Y = 1280 296;
- Nguồn số 06: tọa độ X = 574 767; Y = 1280 349;
- Nguồn số 07: tọa độ X = 559 807; Y = 1280 233;
- Nguồn số 08: tọa độ X = 574 580; Y = 1280 203.

*(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)*

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường



## 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành; các máy móc, thiết bị phục vụ chăn nuôi được bảo trì bảo dưỡng định kỳ (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phốt.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2642./GPMT – UBND*  
*ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Loại chất thải	Khối lượng (Kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	10	16 01 06
2	Ấc quy chì thải	15	19 06 01
3	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	200	14 02 02
4	Mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo) thải	20	08 02 06
5	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	30	13 02 01
6	Gia cầm chết (do dịch bệnh)	Không xác định	14 02 01
7	Giẻ lau, vải bị nhiễm các thành phần nguy hại	45	18 02 01
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>320</b>	

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng chất thải phát sinh
1	Phân gà trộn vỏ trấu lót chuồng	14 01 12	282,1 tấn/lứa
2	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm <i>(Gà chết không do dịch bệnh)</i>	13 02 04	4,8 kg/ngày
3	Bao bì đựng thức ăn	14 01 05	0,31 tấn/lứa



## 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên	300
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>300</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

## 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

## 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

## 2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 20 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: kho được xây tường gạch bao quanh, mái che bằng tôn; nền bê tông, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3 Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

## 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì.

## 2.2.2. Kho lưu chứa:

Diện tích kho: 40 m<sup>2</sup>.

Thiết kế, cấu tạo: xây dựng kho chứa có kết cấu mái tôn, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.
- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

### **2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố dịch bệnh xảy ra trên diện rộng:**

- Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh tuân thủ theo QCVN 01 - 41:2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật; QCVN 01 - 79: 2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm - quy trình kiểm tra, đánh giá điều kiện vệ sinh thú y và QCVN 01- 99:2012/BNNPTNT về điều kiện vệ sinh thú y khu cách ly kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật.

- Bố trí khu đất dự phòng nằm cuối lô đất thực hiện Dự án, cách trại nuôi gần nhất không được nhỏ hơn 30 mét. Khi có trường hợp dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, không thể di chuyển xác gà chết do dịch bệnh đến nơi tiêu hủy, Công ty bố trí các hố chôn tại khu đất dự phòng để chôn lấp, tiêu hủy xác gà chết do dịch bệnh tại Dự án.

### **3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:**

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.



**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2642/GPMT – UBND*  
*ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)**

Không có.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi được thu gom về ruộng sinh học xử lý nước thải của Dự án để xử lý đạt QCVN 62 - MT:2016/BTNMT cột A với hệ số  $K_q = 0,6$  và  $K_f = 1,3$ , sau đó xả ra hồ chứa trong khuôn viên Dự án, không xả ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả chăn nuôi.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất.

- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn

lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên./.